

Bản án số: 21/2020/HS-ST.

Ngày: 12-5-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đô.

Bà Lê Thị Kiều Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020, thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa hình sự sơ thẩm số 30/TB-TA ngày 11/3/2020, thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 47/TB-TA ngày 28/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 19, tại tỉnh Y.

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố 3, phường Ph, thành phố T, tỉnh Y. Chỗ ở: không có chỗ ở ổn định, chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố 4, phường HT, thành phố P, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1958 và con bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1963, cùng trú tại: Khu phố 3, phường Ph, thành phố T, tỉnh Y. Chồng: Lê Tuấn V; Sinh năm 1992; Nghề nghiệp: Làm thuê (đã sống ly thân từ năm 2017), trú tại: Ấp L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh R, có 01 con, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 07/11/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Trung Tr, Sinh năm 2000, tại Bình Thuận.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố 4, phường HT, thành phố P, tỉnh B; Nghề nghiệp: không, trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: Không; con ông Trần Trung T, sinh năm 1978 và con bà Lê Thị

Thu H, sinh năm 1982, cùng trú tại: Khu phố 4, phường HT, thành phố P, tỉnh B; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: không, tiền sự: không, nhân thân: không.

Bị cáo Trần Trung Tr bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, đến ngày 06/3/2020 bị tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 10 phút ngày 07/11/2019, tại đường Võ Nguyên Giáp thuộc khu phố 4, phường HT, thành phố P, Tổ công tác Đoàn biên phòng M thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội Biên Phòng tỉnh B phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thị Kim H đang có hành vi “bán trái phép chất ma túy” cho Trần Trung Tr, phát hiện trong lòng bàn tay phải của Nguyễn Trung Tr có một túi nilong màu trắng được hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng rắn, Tr khai đó là heroin Tr mới mua được của Nguyễn Thị Kim H để sử dụng; kiểm tra phát hiện trong lòng bàn tay phải của Nguyễn Thị Kim H có 02 tờ tiền polime mệnh giá 100.000đồng, H khai nhận đó là tiền H vừa bán ma túy cho Tr.

Cùng ngày 07/11/2019, Đoàn biên phòng M – Bộ chỉ huy Bộ đội Biên Phòng tỉnh B đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 04/LKX-ĐMN để khám xét nơi ở của Nguyễn Thị Kim H tại khu phố 4, phường HT, thành phố P, kết quả thu được:

+ 01 (một) túi nylon màu trắng đục hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng rắn kích thước (6 x 9,5)cm và 01 (một) túi nylon màu trắng có kích thước (6 x 9,5) cm, một đầu có khóa đóng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng rắn. Được thu giữ trong hộc bàn phòng ngủ của H.

+ Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 1.200.000 đồng, loại polime (gồm: 01 tờ mệnh giá 500.000 đồng; 03 tờ mệnh giá 200.000 đồng; 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng), được thu giữ trong hộc bàn phòng ngủ của H.

Đoàn Biên phòng MN – Bộ chỉ huy Bộ đội Biên Phòng tỉnh B đã ra quyết định trưng cầu giám định số 04/QĐ-TCGD ngày 08/11/2019. Tại kết luận giám định số 1004/KLGD ngày 11/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) – Công an tỉnh B kết luận:

- Mẫu M1 gửi giám định có khối lượng 0,1124 gam; là Heroine (tép ma túy thu giữ từ Tr).

- Mẫu M2 gửi giám định có khối lượng 0,1827 gam, là Heroine; Mẫu M3 gửi giám định có khối lượng 0,7731 gam, là Heroine. (là các tép ma túy thu giữ từ chỗ ở của H). Mẫu M2 và M3 có tổng khối lượng là 0,9558 gam, là Heroine.

Hoàn lại đối tượng giám định:

+ Túi nylon đã cắt lấy mẫu và 0,0466 gam mẫu M1 còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 1004/1 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Th và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B.

+ Túi nylon đã cắt lấy mẫu: 0,0466 gam mẫu M2 và 0,6953 mẫu M3 còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 1004/2 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Th và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Kim H khai nhận H tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích bán cho các con nghiện kiếm lời và ngoài lần bán ma túy ngày 07/11/2019 cho Trần Trung Tr bị bắt quả tang thì H còn bán cho Tr khoảng hai, ba lần trước đó nhưng không nhớ cụ thể thời gian nào, số lượng bao nhiêu. Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Thị Kim H, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố P đã lấy lời khai, đồng thời thực hiện việc đối chất giữa H và Tr để xác định số lần Tr mua ma túy của H. Tuy nhiên, Tr chỉ thừa nhận có mua ma túy của H vào ngày 07/11/2019 nhằm mục đích để sử dụng như nội dung vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận lại, do lần đầu phạm tội và bị bắt quả tang vì vậy tại cơ quan điều tra bị cáo có hoảng sợ nên đã có lời khai bị cáo bán ma túy cho Tr khoảng hai, ba lần trước đó, thực tế bị cáo chỉ bán ma túy cho Trần Trung Tr một lần vào ngày 07/11/2019 và bị bắt quả tang.

Về nguồn gốc ma túy, Nguyễn Thị Kim H khai mua từ một đối tượng tên T (không rõ nhân thân) tại thành phố H vào ngày 03/11/2019 với giá 2.000.000 đồng mục đích để bán lại kiếm lời. Nguyễn Thị Kim H khai không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể của đối tượng này, nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P không có cơ sở để làm rõ xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 02 (hai) phong bì niêm phong lần lượt đánh số 1004/1 và 1004/2, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Th và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B (vật chứng của vụ án sau giám định). Hiện các vật chứng trên đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố P theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 46 lập ngày 07/02/2020).

-Tiền tang vật vụ án 1.400.000đồng chuyển vào tài khoản Chi cục thi hành án dân sự thành phố P theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 05/02/2020.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 04/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Trần Trung Tr về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Nguyễn Thị Kim H khai nhận bản thân bị cáo không sử dụng ma túy, đồng thời xác định số ma túy bị cáo đã bán cho Trần Trung Tr khi bị bắt quả tang và số ma túy bị cáo tàng trữ tại phòng ngủ của bị cáo bị thu giữ trong vụ án là nhằm mục đích bán lại để thu lợi nhuận, nhưng bị cáo chưa bán được thì bị bắt giữ. Do vậy bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự, là không oan sai. Bị cáo Trần Trung Tr giữ nguyên lời khai như cơ quan điều tra, bị cáo chỉ thừa nhận mua ma túy của Nguyễn Thị Kim H 01 (một) lần vào ngày

07/11/2019 và bị bắt quả tang, ngoài ra bị cáo không mua ma túy của H lần nào nữa. Do vậy bị cáo Tr xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, là không oan sai.

Xét tính chất, mức độ, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P vẫn giữ nguyên quan điểm về việc truy tố đối với các bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn như cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim H từ 24 tháng đến 36 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Trung Tr từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

-Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) túi nylon đã cắt lấy mẫu và 0,0466 gam mẫu M1 còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 1004/1 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Th và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B; 01 (một) Túi nylon đã cắt lấy mẫu: 0,0466 gam mẫu M2 và 0,6953 mẫu M3 còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 1004/2 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Th và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận.

-Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim H bán ma túy cho Trần Trung Tr mà có.

-Trả lại số tiền 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Kim H do không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo trong vụ án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Kim H và Trần Trung Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, các bị cáo không tranh luận gì thêm. Bị cáo Nguyễn Thị Kim H và bị cáo Trần Trung Tr xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Đoàn Biên phòng M thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh B, Đoàn Trưởng, Phó Đoàn trưởng Đoàn Biên phòng M thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh B; Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Kim H và bị cáo Trần Trung Tr tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và người chứng kiến, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, các vật chứng đã thu giữ và kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu điều tra về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của bị cáo và các chứng cứ khác thu thập theo quy định của pháp luật có trong hồ sơ. Đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 10 phút ngày 07/11/2019, tại khu phố 4, phường HT, thành phố P, bị cáo Nguyễn Thị Kim H có hành vi bán trái phép 01 tép ma túy khối lượng 0,1124 gam, là Heroine với giá 200.000 đồng cho bị cáo Trần Trung Tr để Tr sử dụng. Khi cả hai vừa giao nhận ma túy xong thì bắt quả tang.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thị Kim H còn tàng trữ trái phép chất ma túy tại chỗ ở của mình thuộc khu phố 4, phường HT, thành phố P khối lượng 0,9558 gam, là Heroine nhằm mục đích bán cho các con nghiện kiếm lời, khi chưa kịp bán thì bị phát hiện.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kim H và bị cáo Trần Trung Tr cho thấy các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người, sự phát triển giống nòi của dân tộc và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác cho xã hội, các bị cáo cũng nhận thức được heroin là loại ma túy gây nghiện, Nhà nước nghiêm cấm và nghiêm khắc xử lý đối với mọi hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ... trái phép nhưng các bị cáo bất chấp hậu quả pháp lý. Rõ ràng hành vi mua bán ma túy của bị cáo Nguyễn Thị Kim H và hành vi tàng trữ ma túy của bị cáo Trần Trung Tr là cố ý, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, hơn nữa còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Kim H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo Trần Trung Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

[3] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy là hợp lý vì quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim H, bị cáo Trần Trung Tr đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo Nguyễn Thị Kim H còn có con nhỏ nên khi lượng hình

Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét toàn diện. Các bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Trên cơ sở xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Để đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết xử lý các bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho các bị cáo lao động trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 (hai) phong bì niêm phong lần lượt đánh số 1004/1 và 1004/2, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Th và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B, là vật chứng sau giám định. Xét thấy các vật chứng nêu trên là chất ma túy nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 200.000đồng thu giữ của Nguyễn Thị Kim H khi bị bắt quả tang là tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim H bán ma túy cho Trần Trung Tr, đây là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Đối với số tiền 1.200.000đồng thu giữ tại phòng ngủ của bị cáo Nguyễn Thị Kim H là tiền của bị cáo Nguyễn Thị Kim H, do không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo trong vụ án, do vậy sẽ trả lại cho bị cáo H.

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P ngày 05/02/2020).

[6] Đối với đối tượng tên X là người bị cáo Nguyễn Thị Kim H khai đã bán ma túy cho bị cáo H do không xác định được nhân thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Kim H bà bị cáo Trần Trung Tr phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Kim H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt quả tang và tạm giữ 07/11/2019.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Trung Tr phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Trung Tr 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 06/3/2020.

2. Xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy vật chứng của vụ án gồm: 02 (hai) phong bì niêm phong lần lượt đánh số 1004/1 và 1004/2, bên trong có ma túy, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng Th và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B, là vật chứng sau giám định (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 46 ngày 07/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng thu giữ của Nguyễn Thị Kim H là tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim H bán ma túy cho Trần Trung Tr mà có.

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Kim H số tiền 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng thu giữ tại phòng giữ của bị cáo Nguyễn Thị Kim H, là tiền của bị cáo Nguyễn Thị Kim H, do không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo trong vụ án.

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P ngày 05/02/2020).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim H và bị cáo Trần Trung Tr mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/5/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND TP. P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Công an TP. P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Tiên